

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỘC

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vĩnh Lộc, ngày 17 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa,
huyện Vĩnh Lộc đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 01 tháng 7 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 58-NQ/TW của Bộ chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn; số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 ban hành Ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc đến năm 2030;

Căn cứ văn bản số 9857/SXD-QH ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Sở Xây dựng về ý kiến về nội dung 03 Quy hoạch chung xây dựng xã của 03 xã: Vĩnh An, Vĩnh Long, Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc đến năm 2030;

Căn cứ văn bản số 5184/SNN&PTNT-KHTC ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc tham gia ý kiến về nội dung đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc đến năm 2030;

Căn cứ văn bản số 5339/SVHTTDL-KHTC ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc tham gia ý kiến về Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc đến năm 2030;

Căn cứ văn bản số 6555/SGTVT-KHTC ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Sở Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến Quy hoạch chung xây dựng các xã Vĩnh An, Vĩnh Long, Vĩnh Hưng, Vĩnh Yên, Vĩnh Tiến, Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 03/BC-KTHT ngày 13/01/2023 về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc đến năm 2030 (Kèm theo Tờ trình số 13/TTr-UBND ngày 03/8/2022 của UBND xã Vĩnh Hòa).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc đến năm 2030, với nội dung chính như sau:

1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch

1.1. Phạm vi ranh giới

- Xã Vĩnh Hòa nằm về phía Đông Nam của huyện Vĩnh Lộc, cách thị trấn Vĩnh Lộc khoảng 7,5km, với tổng diện tích tự nhiên 1.498,7 ha.

- Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Vĩnh Hòa, ranh giới cụ thể như sau:

+ *Phía Bắc:* giáp xã Vĩnh Phúc và Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc;

+ *Phía Nam:* giáp xã Định Hải, huyện Yên Định;

+ *Phía Đông:* giáp xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc;

+ *Phía Tây:* giáp xã Ninh Khang và thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Vĩnh Lộc.

1.2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô diện tích lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Vĩnh Hòa có tổng diện tích là 1.498,7 ha.

- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng: 6.988 người.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

2.1. Mục tiêu

Cụ thể hóa các mục tiêu, yêu cầu tại nhiệm vụ và dự toán lập quy hoạch, được UBND huyện Vĩnh Lộc phê duyệt tại Quyết định số 1032/QĐ-UBND ngày 28/4/2022.

2.2. Tính chất, chức năng

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chung xây dựng là một đơn vị hành chính cấp xã hoàn chỉnh với đầy đủ các chức năng theo quy định, hướng tới đạt và vượt các tiêu chí của xã nông thôn mới nâng cao.

Nền kinh tế chủ đạo của địa phương là: Phát triển bền vững theo hướng tăng trưởng xanh phát triển đa ngành, lấy sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao là định hướng phát triển ưu tiên.

3. Quy mô dân số, lao động

3.1. Dự báo quy mô dân số

- Dân số hiện trạng là 6.988 người;
- Dân số dự báo:
- + Đến năm 2025 là 7.310 người;
- + Đến năm 2030 là 7.870 người.

3.2. Lao động và cơ cấu nghề nghiệp

Dự báo lao động đến năm 2025 là 4.386 người; đến năm 2030 là 4.722 người.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

4.1. Các chỉ tiêu sử dụng đất

- Điểm dân cư nông thôn:
- + Đất xây dựng công trình nhà ở: $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$;
- + Đất xây dựng công trình, dịch vụ: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
- + Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật: $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$;
- + Cây xanh công cộng: $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$;
- Trụ sở cơ quan xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng trường mầm non, quy mô 50 chỗ/1000 dân: $\geq 12\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường tiểu học, quy mô 65 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Đất xây dựng trường trung học, quy mô 55 chỗ/1000 dân: $\geq 10\text{m}^2/\text{chỗ}$;
- Trạm y tế xã: $\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$;
- (Có vườn cây thuốc Nam): $\geq 1000\text{m}^2/\text{trạm}$;
- Đất xây dựng nhà văn hóa xã: $\geq 1.000\text{m}^2$;
- Đất xây dựng nhà văn hóa thôn: $\geq 500\text{m}^2$;
- Đất xây dựng sân thể thao xã: $\geq 1.200\text{m}^2$;

- Đất xây dựng sân thể thao thôn: $\geq 300\text{m}^2$;
- Đất xây dựng điểm phục vụ bưu chính viễn thông: $\geq 150\text{m}^2$;
- Đất xây dựng chợ: $\geq 1.500\text{m}^2/\text{chợ/xã}$.

4.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

- Chỉ tiêu về vệ sinh môi trường $\geq 0,8$ kg;
- Chỉ tiêu cấp nước: ≥ 80 lít/người/ngày;
- Chỉ tiêu thoát nước bản ≥ 80 % lượng nước cấp;
- Chỉ tiêu cấp điện $\geq 150\text{W}/\text{người/ngày đêm}$;

4.3. Các nội dung khác

Theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT- BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng và QCVN 4454:2012 về Quy hoạch nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế.

5. Phân khu chức năng, định hướng tổ chức không gian xã

5.1. Định hướng tổ chức khu trung tâm xã

Xây dựng khu trung tâm xã khang trang có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng phục vụ nhân dân trong xã. Trong khu vực này bố trí các chức năng hiện có của xã gồm:

- Cụm Trụ sở làm việc của Đảng ủy - HĐND - UBND xã: Giữ nguyên vị trí như hiện nay. Chính trang kiến trúc, đầu tư trang thiết bị phù hợp tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

- Trụ sở Công an và Ban chỉ huy Quân sự xã: Quy hoạch mới với diện tích 0,24ha gần trụ sở UBND xã thuận lợi cho công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn toàn xã.

- Trạm y tế xã: Xây dựng mới, đầu tư trang thiết bị phù hợp tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

- Sân vận động xã: Quy hoạch mới với diện tích 1,5ha, đầu tư các hạng mục công trình đảm bảo theo tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

- Chợ dân sinh: Mở rộng chợ đạt diện tích 1.681 m^2 , đầu tư các hạng mục đảm bảo chợ An toàn thực phẩm và hoàn thiện theo y tiêu chí xây dựng xã Nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

- Phần đất còn lại là các chức năng khác.

5.2. Định hướng tổ chức khu ở

5.2.1. Đối với khu vực ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang

Đối với các khu ở hiện hữu, tập trung cải tạo chỉnh trang các cụm dân cư hiện hữu, đặc biệt nâng cấp các tuyến đường giao thông chính trong thôn, huy động các nguồn lực để bổ sung đường điện chiếu sáng, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường, cùng với sự bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, cơ sở vật chất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân góp phần hoàn thiện các tiêu chí xây

dựng xã nông thôn mới nâng cao. Ban hành các quy định quản lý về trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm.

5.2.2. Đối với khu vực khu dân cư mới

Bố trí quỹ đất xây dựng khu dân cư mới đến năm 2025 với tổng diện tích 24,54 ha; giai đoạn 2026 - 2030 diện tích tăng thêm khoảng 0,2 ha.

Tổng đất khu dân cư đến 2025 là: 117,17 ha; Tổng đất khu dân cư đến 2030 là: 117,37 ha.

5.3. Khu sản xuất, dịch vụ

5.3.1. Khu sản xuất nông nghiệp

Căn cứ quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Vĩnh Lộc cũng như thực trạng tại địa phương, xác định nền nông nghiệp, lâm nghiệp của xã là: Tập trung phát triển nền nông nghiệp sạch theo hướng hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như khu nhà lưới, nhà kính; khu sản xuất lúa thâm canh năng suất, chất lượng hiệu quả cao, khu quy hoạch trồng cây ăn quả, vùng mía thâm canh; khu sản xuất trồng cây dược liệu (Sâm Báo 2 ha) tại thôn Nghĩa Kỳ; khu sản xuất rau quả sạch an toàn. Khu vực chăn nuôi phát triển đàn gia súc, gia cầm theo mô hình trang trại, gia trại với các loại giống mới và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất (không quy hoạch trang trại chăn nuôi heo trong khu dân cư).

Định hướng phát triển sản xuất lâm nghiệp phù hợp với điều kiện địa phương và xác định các giống cây lâm nghiệp cho hiệu quả kinh tế cao như: Keo lai mô, Keo tai tượng Úc,...

Tuy nhiên do yêu cầu phát triển kinh tế của địa phương (làm đường giao thông, mở mới các khu dân cư...) nên diện tích đất nông nghiệp đến năm 2030 giảm, cụ thể: Diện tích đất rừng sản xuất giảm còn 328,09 ha, diện tích đất trồng lúa giảm còn 332,10 ha (trong đó quy hoạch 4 vùng trồng lúa năng suất chất lượng cao), diện tích đất trồng trọt khác giảm còn 182,19 ha, diện tích đất nông nghiệp khác tăng lên 26,66 ha.

5.3.2. Khu vực dịch vụ - thương mại

Quy hoạch khu đất dịch vụ thương mại mới tại thôn Nhật Quang tổng diện tích đất thương mại dịch vụ đến năm 2030 là 0,4 ha. Xây dựng các cửa hàng thân thiện thu hút khách tạo thành điểm dừng nghỉ chân tin cậy cho các loại phương tiện trên tuyến đường ĐX.08 (đường quốc lộ 217 cũ), phục vụ công nhân làm việc trong cụm công nghiệp, và các khu dân cư mới xung quanh.

5.3.3. Định hướng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn

Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại thôn Nhật Quang với diện tích là 0,4ha theo quy định tại công văn số 2307/BXD – QHKT ngày 27/6/2022 của bộ xây dựng về Hướng dẫn bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021-2025.

5.3.4. Khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Nhằm từng bước xây dựng nền kinh tế phát triển bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tăng dần các ngành có tính chất phi nông nghiệp. Trong kỳ quy hoạch từ nay đến năm 2030, sẽ khai thác một số vị trí thuận lợi về giao thông tổ chức thành điểm sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề với tổng diện tích quy hoạch đến năm 2030 là 47,89 ha. Trong đó có cụm công nghiệp Vĩnh Hòa chiếm 47,23 ha, đất sản xuất kinh doanh chiếm 0,66 ha. Cụm công nghiệp hình thành và phát triển tạo cơ hội và giải quyết vấn đề việc làm cho rất nhiều người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế tốt hơn.

Xã Vĩnh hoà hiện nay có làng nghề đan chao đèn lồng tại thôn Nghĩa Kỳ tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương. Do hiện nay người dân địa phương vẫn đang gia công thô nên trong kỳ quy hoạch vẫn giữ nguyên theo hình thức gia công tại nhà của từng hộ dân.

5.3.5. Khu vực khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng

Quy hoạch mới 5 mỏ khai thác đất tại thôn Nhật Quang và thôn Bồng Phồn với diện tích 52,17 ha, nâng tổng diện tích đất khai thác khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng đến năm 2030 là 67,74 ha.

5.3.6. Khu vực có khả năng phát triển

Quỹ đất xây dựng của xã lớn phân bố ở tất cả các thôn, tùy theo nhu cầu cụ thể sẽ quy hoạch các khu vực xây dựng cho phù hợp.

5.4. Khu vực cấm xây dựng, đặc thù và các công trình đầu mối

- Vùng hạn chế xây dựng: Các khu vực sản xuất nông nghiệp, khu vực này chủ yếu giữ theo hiện trạng, để đảm bảo ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp.

- Vùng cấm xây dựng: Bao gồm các khu vực gần hồ đập, sườn đồi. Đây là khu vực dễ gặp nạn khi có biến cố thiên tai về khí hậu như mưa bão lớn.

6. Định hướng tổ chức không gian toàn xã

6.1. Phân vùng kinh tế

Xét về mặt tổng quan, không gian kinh tế xã Vĩnh Hòa được phân thành 2 khu vực phát triển kinh tế:

- Vùng 1 (Dọc hai bên trục đường QL217, đường huyện ĐH-VL.10, đường trục xã ĐX.09): Đây là khu vực trọng điểm phát triển kinh tế của xã. Định hướng khu vực tập trung phát triển các điểm dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với các điểm dân cư nông thôn.

- Vùng 2: (Khu vực còn lại trong toàn bộ xã) là vùng sản xuất nông nghiệp.

6.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng

Các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã hiện nay cơ bản đã đáp ứng được những quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng. Định hướng cụ thể như sau:

Định hướng công trình công cộng đến năm 2030							
TT	Hạng mục	Vị trí	Định hướng quy hoạch	Diện tích (m²)			Định hướng kiến trúc
				Hiện trạng	QH đến 2030	Biến động	
1	Công sở xã	Thôn Nghĩa Kỳ	Giữ nguyên hiện trạng	4.881,4	4.881,4	0	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh.
2	Trụ sở công an xã	Thôn Nghĩa Kỳ	Quy hoạch mới		1.200	1.200	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh. + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤60%
3	Trụ sở quân sự xã	Thôn Nghĩa Kỳ	Quy hoạch mới		1.200	1.200	Chỉnh trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh. + Chiều cao từ 1-3 tầng; + Mật độ xây dựng: ≤60%
4	Tượng đài liệt sỹ	Thôn Nghĩa Kỳ	Giữ nguyên hiện trạng	533	533	0	
5	Trung tâm văn hoá - thể thao xã	Thôn Nghĩa Kỳ	Quy hoạch mới	0.00	3.727,2	3.727,2	
6	Buru điện						
6.1	Buru điện(cũ)	Thôn Nghĩa kỳ	Chuyển sang cho đất chợ Bìn	276	0	-276	
6.2	Buru điện(mới)	Thôn Nghĩa kỳ	Quy hoạch mới		300	300	
7	Trạm y tế						
7.1	Trạm y tế (cũ)	Thôn Nghĩa Kỳ	Chuyển sang đất ở (khi mở rộng đường giao thông giảm 433m ²)	1.362	0	-929	
7.2	Trạm y tế (mới)	Thôn Nghĩa Kỳ	Quy hoạch mới	0	3.017	3.017	
8	Trường học						

8.1	Trường trung học cơ sở xã Vĩnh Hòa	Thôn Nghĩa Kỳ	Giữ nguyên hiện trạng	7.413	7.413	0	Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh.
8.2	Trường tiểu học xã Vĩnh Hòa	Thôn Nghĩa Kỳ	Giữ nguyên hiện trạng	8.315	8.315	0	Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh.
8.3	Trường mầm non xã Vĩnh Hòa	Thôn Nghĩa Kỳ	Mở rộng	4.183	7.148	2.965	Chính trang kiến trúc phù hợp với cảnh quan xung quanh.
9	Sân vận động xã Vĩnh Hòa	Thôn Nghĩa Kỳ	Quy hoạch mới		15.000	15.000	
10	Chợ	Thôn Nghĩa Kỳ	Mở rộng	1.405	1.681	0.276	
11	Nhà văn hóa						
11.1	Nhà văn hóa thôn Nhật Quang	Thôn Nhật Quang	Mở rộng (Khi mở rộng đường GT giảm 455m ²)	988	1.073	300	
11.2	Sân thể thao thôn Nhật Quang	Thôn Nhật Quang	Quy hoạch mới		500	500	
11.3	Nhà văn hóa thôn Lợi Cháp(cũ)	Thôn Lợi Cháp	Chuyển sang đất đình làng thôn Lợi Cháp	1.574	0	-1.574	
11.4	Sân thể thao thôn Lợi Cháp	Thôn Lợi Cháp	Giữ nguyên hiện trạng	500	500	0	
11.5	Nhà văn hóa và sân thể thao thôn Pháp Ngỡ	Thôn Pháp Ngỡ	Giữ nguyên hiện trạng	2.953	2.953	0	
11.6	Nhà văn hóa và sân thể thao thôn Hữu Cháp	Thôn Hữu Cháp	Giữ nguyên hiện trạng	1.101	1.101	0	
11.7	Nhà văn hóa thôn Bồng Phồn (Cũ)	Thôn Bồng Phồn	Chuyển sang đất ở	490	0	-490	
11.8	Nhà văn hóa thôn Bồng Phồn (mới)	Thôn Bồng Phồn	Quy hoạch mới	-	300	300	
11.9	Sân thể thao thôn Bồng Phồn	Thôn Bồng Phồn	Quy hoạch mới	-	500	500	
11.10	Nhà văn hóa Thôn Nghĩa Kỳ(Cũ)	Thôn Nghĩa Kỳ	Chuyển sang đất ở	740	0	-740	

11.11	Nhà văn hóa Thôn Nghĩa Kỳ(Mới)	Thôn Nghĩa Kỳ	Quy hoạch mới	0	300	300	
11.12	Sân thể thao thôn Nghĩa Kỳ(Cũ)	Thôn Nghĩa Kỳ	Chuyển sang đất trường mầm non	2.965	0	-2.965	
11.13	Sân thể thao thôn Nghĩa Kỳ(Mới)	Thôn Nghĩa Kỳ	Quy hoạch mới	-	2.735	2.735	
11.14	Nhà văn hóa thôn Quang Biểu	Thôn Quang Biểu	Giữ nguyên hiện trạng	500	500	0	
11.15	Sân thể thao thôn Quang Biểu	Thôn Quang Biểu	Giữ nguyên hiện trạng	3.529	3.529	0	
11.16	Nhà văn hóa thôn Giang Đông (Cũ)	Thôn Giang Đông	Chuyển sang đất Đình làng Giang Đông	456	0	-456	
11.17	Nhà văn hóa thôn Giang Đông (mới)	Thôn Giang Đông	Quy hoạch mới	-	300	300	
11.18	Sân thể thao thôn Giang Đông	Thôn Giang Đông	Quy hoạch mới	-	500	500	
11.19	Nhà văn hóa thôn Lợi Cháp (mới)	Thôn Lợi Cháp	Quy hoạch mới	-	300	300	
12	Công trình tôn giáo tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh, di tích, đình chùa						
12.1	Nhà thờ Pháp Ngỡ	Thôn Pháp Ngỡ	Mở rộng	1.883	5.154	3.271	
12.2	Nghè thôn Lợi Cháp	Thôn Lợi Cháp	Giữ nguyên hiện trạng	2.404	2.404	0	
12.3	Đình làng Quang Biểu	Thôn Quang Biểu	Giữ nguyên hiện trạng	392	392	0	
12.4	Chùa Vĩnh Nghiêm	Thôn Quang Biểu	Mở rộng	1.780	6.073	4.293	
12.5	Đình làng Giang Đông	Thôn Giang Đông	Mở rộng sang đất NVH Giang Đông và trạm biến áp Vĩnh Hòa 2, sau khi mở rộng đường giao thông mất 24m ²	272	754	482	
12.6	Đền thờ và Bia Trịnh Khả	Thôn Giang Đông	Mở rộng	877	13.795	12.918	

12.7	Đình làng Nghĩa Kỳ	Thôn Nghĩa Kỳ	Giữ nguyên hiện trạng	338	338	0	
12.8	Đình làng thôn Lợi Cháp	Thôn Lợi Cháp	Quy hoạch mới, khi mở rộng đường giao thông mất 133m ²		1.574	1.574	
12.9	Đình làng thôn Nhật Quang	Thôn Nhật Quang	Giữ nguyên hiện trạng	408	408	0	
12.10	Phủ Mẫu	Thôn Nghĩa Kỳ	Giữ nguyên hiện trạng	477	477	0	
12.11	Nhà thờ Trịnh Quyện	Thôn Quang Biều	Giữ nguyên hiện trạng	194	194	0	

7. Các công trình hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy hoạch giao thông

Hệ thống giao thông xã được chia thành hệ thống giao thông đối ngoại và hệ thống giao thông đối nội, cụ thể:

a) Hệ thống giao thông đối ngoại

- Đường Quốc lộ 217: Từ giáp xã Vĩnh Hùng đến giáp xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lộc, có chiều dài 1.825 m. Trong đó có 706m đường QL.217 cũ và 1.119m nắn tuyến đi Vĩnh Hưng quy hoạch mới. Quy mô đường cấp III, 2 làn xe, mặt cắt ngang điển hình: nền đường 12m; lộ giới 42m; kết cấu Bê tông nhựa.

- Đường huyện: Trên cơ sở tuân thủ định hướng quy hoạch giao thông huyện Vĩnh Lộc đã được phê duyệt, có 3 tuyến đường huyện chạy qua địa bàn xã.

+ Tuyến ĐH.VL.08: Từ QL217 đến giáp xã Vĩnh Phúc, chiều dài 2.043m. Trong đó có 1.123m (đường QL.217; ĐH.VL.02 cũ) và 920m quy hoạch mới. Quy mô đường cấp IV, 2 làn xe chạy, mặt cắt ngang điển hình: nền đường 9,0m; lộ giới 29,0m; kết cấu bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.

+ Tuyến ĐH.VL.09: Từ giáp xã Vĩnh Hùng đến giáp thị trấn Vĩnh Lộc, chiều dài 4.177m. Trong đó có 761m (đường QL.217; ĐX.03 hiện trạng đoạn qua nhà thờ Pháp Ngõ) và 3.416m quy hoạch mới. Quy mô đường cấp IV, 2 làn xe chạy, mặt cắt ngang điển hình: nền đường 9,0m; lộ giới 29,0m; kết cấu bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.

+ Tuyến ĐH.VL.10: Từ Trạm y tế cũ xã Vĩnh Hòa đến ĐH.VL.08, chiều dài 3.069m. Quy mô đường cấp IV, 2 làn xe chạy, mặt cắt ngang điển hình: nền đường 9,0m; lộ giới 29,0m; kết cấu bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.

b) Hệ thống giao thông đối nội

- Đường xã: Nâng cấp, mở rộng và làm mới 9 tuyến đường trục xã, tổng chiều dài 16.975m để kết nối liên thông giữa các thôn trong xã thành mạng lưới

giao thông hoàn chỉnh, quy mô mặt cắt ngang:

- + Mặt đường: 6,0÷7,5m (riêng tuyến số 9 mặt đường 18m);
- + Nền đường: 8,0÷17,5m (riêng tuyến số 9 nền đường 28m);
- + Kết cấu mặt đường: Mặt đường bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.
- Đường trục thôn: Nâng cấp, mở rộng và làm mới 9 tuyến đường trục thôn, tổng chiều dài 9.134 m. Quy mô mặt cắt ngang:

- + Mặt đường: 7,5m;
- + Nền đường: 17,5m;
- + Kết cấu mặt đường: Mặt đường cứng hóa bê tông xi măng.
- Đường nội đồng: Mở rộng, nâng cấp 15 tuyến đường trục chính nội đồng, tổng chiều dài 10.592m, quy mô mặt cắt ngang:

- + Mặt đường: 5,5m;
- + Nền đường: 7,5m;
- + Kết cấu mặt đường: Mặt đường cứng hóa bê tông xi măng.

(Chi tiết cụ thể trong bản vẽ và thuyết minh đồ án quy hoạch được duyệt)

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

Cao độ nền xây dựng:

- Tôn trọng địa hình tự nhiên; Cao độ các khu dân cư hiện trạng giữ nguyên; Các khu xây dựng mới, cốt nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng, khi thiết kế nâng cốt nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng.

- Chỉ không chế cốt xây dựng tại một số khu vực xây dựng tương đối lớn;
- San nền cục bộ tại các điểm xây dựng nhỏ lẻ;
- Độ dốc san nền: Phải thuận tiện cho giao thông trong khu vực, đảm bảo nước tự chảy;
- Hướng dốc san nền: Hướng về hệ thống kênh mương mới được đầu tư xây dựng.

Định hướng tiêu thoát nước:

Điều kiện địa hình tự nhiên của xã Vĩnh Hòa dốc dần theo hướng từ Bắc xuống Nam. Quy hoạch hướng thoát nước chính là từ Bắc xuống Nam thoát theo hệ thống kênh mương hướng ra sông Mã và sông Bưởi qua hệ thống tiêu Hón Thác (Đập Bờ Thành) xã Vĩnh Hòa.

Để đảm bảo tiêu úng tốt cho các tiểu vùng, trước mắt cần nạo vét khơi dòng các kênh mương thoát nước dọc đường để đảm bảo dòng chảy tốt khi mưa lớn kéo dài. Tiếp tục đầu tư kiên cố hóa, xây mới hệ thống kênh tiêu, mở rộng

mặt cắt kênh dẫn nước để có thể tiêu thoát nước nhanh khi mưa lớn kéo dài.

7.3. Quy hoạch cấp nước

- Nguồn nước và hệ thống cấp nước: Nguồn nước được lấy từ nhà máy cấp nước sạch đặt tại xã Vĩnh Hùng, công suất nhà máy $9.000\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Mạng lưới đường ống cấp nước nội bộ được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt, các đường ống đi ngầm dưới vỉa hè hoặc lòng đường, với tiết diện đường ống D300.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hỏa đầu nổi với đường ống cấp nước có đường kính $>D100\text{ mm}$ và khoảng cách giữa các họng cứu hỏa khoảng 150m.

7.4. Quy hoạch cấp điện, chiếu sáng

Giữ nguyên vị trí các trạm biến áp, và các tuyến đường dây tải điện hiện có, gồm 10 trạm biến áp; đường dây trung thế. Để đảm bảo cho nhu cầu cung cấp điện trong giai đoạn đến năm 2030, nâng cấp công suất một số trạm biến áp hiện có và quy hoạch mới 2 trạm. Tổng công suất của các trạm biến áp cấp điện sinh hoạt đến năm 2030 là 2.720 KVA.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải vệ sinh môi trường

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

Nước thải sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của xã Vĩnh Hòa theo hệ thống mương, rãnh dẫn nước thu gom về trạm xử lý nước thải số 3 xây dựng mới tại khu vực thôn Nhật Quang, xã Vĩnh Hòa (theo quy hoạch vùng huyện Vĩnh Lộc) để xử lý, sau đó đổ ra sông Bưởi.

Mương rãnh dẫn nước thải thường được thiết kế chạy dọc theo đường giao thông, kết hợp cả tiêu thoát nước thải và tiêu thoát nước mưa.

Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thăm thẫu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

- Hệ thống xử lý rác thải:

+ Cần sử dụng các hình thức tổ hợp vườn, ao chuồng, thùng rác, hầm chứa rác, hố chứa rác tự phân huỷ, hố ủ phân trát bùn tại các hộ gia đình để xử lý chất thải rắn từ sinh hoạt, trồng trọt, chăn nuôi.

+ Rác thải sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của xã được Công ty TNHH đô thị môi trường TM Phát Vĩnh Lộc thu gom và vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung của huyện Vĩnh Lộc để xử lý. Xe thu gom rác phải có nắp đậy, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

- Nghĩa trang:

+ Trước mắt trong giai đoạn quy hoạch các nghĩa trang hiện trạng của các

thôn vẫn giữ lại, tiếp tục phục vụ nhu cầu an táng cho nhân dân, có kế hoạch khoanh vùng trồng cây xanh cách ly đảm bảo mỹ quan môi trường.

+ Giai đoạn đến năm 2030, quy hoạch nghĩa trang huyện Vĩnh Lộc đến năm 2030 với hiện tích 7,67ha (tổng diện tích nghĩa trang huyện tập trung là 10ha có 7,67ha thuộc địa phận xã Vĩnh Hòa và 2,33ha thuộc địa phận xã Vĩnh Hưng).

7.6. Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

Trên địa bàn xã có 5 trạm viễn thông gồm 3 trạm Viettel, 01 trạm Vinaphone, 01 trạm Mobifone đã đáp ứng được nhu cầu phục vụ của nhân dân trong giai đoạn lập quy hoạch.

8. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

- Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn, đầu tư hệ thống HTKT, HTXH đồng bộ, tạo nguồn lực để đầu tư các hạng mục khác.
- Nâng cấp, mở rộng hệ thống giao thông trục chính, đầu tư hệ thống rãnh thoát nước, cây xanh, hệ thống chiếu sáng.
- Xây dựng, cải tạo kiên cố hoá hệ thống kênh mương nội đồng.
- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt theo hướng đồng bộ - hiện đại.
- Nâng cấp các trạm biến áp hiện có và xây dựng mới các trạm biến áp.
- Xây dựng mới công sở xã, trụ sở công an xã, Ban chỉ huy quân sự xã, trường mầm non, chợ, nhà văn hóa thôn.
- Cải tạo, chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa có trách nhiệm:

- Tiếp nhận, quản lý hồ sơ, tài liệu quy hoạch được giao và tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện; đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.
- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.
- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.
- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hằng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư; nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung của Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 đã trình.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Vĩnh Hòa tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các phòng Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND xã Vĩnh Hòa và Thủ trưởng các Phòng, Ban, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện (để B/cáo);
- Chủ tịch UBND huyện (để B/cáo);
- Các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT_(Thọ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Xuân Thắng